

Bản án số: 17/2024/DS-PT

Ngày: 15-07-2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Kim Trường

+ *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Bà Trần Thanh Hải

- T ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký TAND tỉnh Hoà Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Ông Hoàng Xuân Tân
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2024/TLPT – DS ngày 02 tháng 04 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2023/DS-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hoà Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 05 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 18A/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1963. Có mặt.

Trú tại: Tổ 04, phường Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Chị **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1987. Trú tại: Tổ 04, phường Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. (Theo giấy ủy quyền ngày 14/03/2023). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1960. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ 01, phường Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962. Trú tại: Tổ 01, phường Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (theo văn bản ủy quyền ngày 03/06/2024). Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị **Bùi Thị P**, sinh năm 1986.

+ Anh Bùi Xuân P, sinh năm 1985

Đều trú tại: Tổ 01, phường Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Ủy quyền cho bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962. Trú tại: Tổ 01, phường Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (theo văn bản ủy quyền ngày 05/05/2023). Có mặt.

+ Ông **Hà Đăng H**, sinh năm 1962. Trú tại: Thôn V, Xã H, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình. Địa chỉ: Tổ 01, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Anh Q – Chủ tịch UBND thành phố Hòa Bình - Có đơn đề nghị vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn N, chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hòa Bình – Có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Văn L** sinh năm 1960. Trú tại: Tổ 01, phường Q, thành phố H. tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và tại phiên tòa P thẩm nội dung vụ án thể hiện như sau:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:**

Tôi và bà Nguyễn Thị M có mối quan hệ anh em họ hàng thân thích với nhau, cụ thể: Bố đẻ bà M là ông Nguyễn Văn L2 là anh trai thứ 3, còn bố tôi là Nguyễn Văn H1 là em trai út, 02 ông cùng bố cùng mẹ sinh ra. Tôi sinh ra và lớn lên tại xã S (nay là phường Q), năm 1982 tôi kết hôn với ông Nguyễn Văn Mai sinh năm 1963 là người cùng xóm ở tại xóm 1 (nay là tổ 01, phường Q), năm 1983 tôi sinh con nên cả gia đình chuyển đến ở, sinh sống tại xóm 4 xã S (nay là tổ 04, phường Q), thành phố H, tỉnh Hòa Bình từ đó cho đến nay.

Nguồn gốc thửa đất hiện nay tôi đang đòi bà M trả lại như sau: Năm 1977 bố tôi là ông Nguyễn Văn H1 tự khai phá và làm nhà ở, sau đó đến năm 1980 bố tôi chết, tôi là người sử dụng trên thửa đất đó có cây ăn quả như cây mít, cây khế, cây bưởi, cây roi và nhiều cây tre, hóp và 01 ngôi nhà sàn diện tích khoảng 400m². Năm 1983 gia đình tôi chuyển toàn bộ nhà và tài sản trên đến tổ 04, phường Q, trên đất chỉ còn lại cây cối, không có tài sản hay vật nuôi gì. Năm 1989 bà Nguyễn Thị M đi lấy chồng ở xóm D, phường T, thành phố H nhưng chồng chết thì quay về ở nhà bố mẹ đẻ bà M ở tổ 01, phường Q, do không có đất làm nhà ở nên đặt vấn đề mượn tôi đất trên để ở, tôi đồng ý cho bà M mượn đất, trên đất có phần nền của nhà sàn (nền đất, còn nhà sàn đã tháo dỡ đi), từ đó cho đến năm 2006 do có nhu cầu sử dụng đất nên tôi có đến đòi lại thửa đất trên nhưng bà M không trả với lý do đất đã được cấp Giấy CNQSDĐ mang tên bà M

nhưng không cho tôi xem bìa đỏ, sau đó gia đình tôi khởi kiện bà M ra Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình vụ án được đình chỉ với lý do: xã, phường làm sai thì xã, phường tự về giải quyết. Đến cuối năm 2021 bà T có nói chuyện với tôi là bán thửa đất trên, tôi có hỏi thì bà T bảo chưa bán, nếu bán được thì sẽ cho tôi một ít tiền. Nhưng sau đó bà T đã bán thửa đất trên cho ông Hà Đăng H nhưng chưa làm xong thủ tục vì đất đang tranh chấp. Bà M bán đất cho ông H đã nhận đủ tiền nhưng không chia cho tôi như đã hứa nên tôi lại gửi đơn đến UBND phường Q yêu cầu giải quyết việc đòi lại đất của tôi. Ngày 19/8/2022 UBND phường Q tổ chức hòa giải nhưng không thành, bà M có xuất trình Giấy CNQSDĐ photô. Lúc này tôi mới biết bà M có Giấy CNQSDĐ. Từ năm 2006 (khi tôi khởi kiện đến Tòa án thành phố) bà M không ở nữa trên đất giờ chỉ có lều bằng gỗ, chuồng gà bằng tre, nứa của bà M. Thửa đất mà tôi đòi bà M trả có diện tích 662m² trong đó 400m² đất ở, 262m² là đất vườn, việc tôi cho bà M mượn đất bằng miệng, không lập văn bản giấy tờ, không có ai chứng kiến. Thỏa thuận là lúc nào con bà M lớn thì sẽ trả đất cho tôi, nhưng con bà M đã lớn mà bà M vẫn không trả. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N đối với 662m² tại địa chỉ xóm C, xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình (sau là xóm 1, xã S, thị xã Hòa Bình), nay là tổ 01, phường Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình;

2. Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Hòa Bình cấp ngày 17/5/2001 mang tên hộ bà Nguyễn Thị M;

3. Buộc bà Nguyễn Thị M trả lại cho bà Nguyễn Thị N toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Bà Nguyễn Thị N cung cấp tài liệu, chứng cứ: Giấy xác nhận nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn L, Đinh Đức Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình Th, Nguyễn Thị H đều trú tại phường Q, thành phố Hòa Bình, nội dung “*đều xác nhận thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn H1 khai hoang từ năm 1977*”

*** Bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị M và đại diện theo ủy quyền của người liên quan anh P, chị Phương trình bày:**

Nguồn gốc 662m² đất tại xóm 1, xã S (nay là tổ 1, phường Q) là của cụ Nguyễn Văn Nh và cụ Nguyễn Thị D khai hoang mà có. Cụ Nh là chồng cụ D (cụ Nh đã chết) và bố tôi là ông Nguyễn Văn L2 đòi đất với 02 cụ bằng 01 chai rượu từ rất lâu (tôi không nhớ cụ thể thời gian). Năm 1978 ông H1 đi bộ đội về, không có đất ở có nói với bố tôi cho lên xóm 1, xã S (nay là tổ 1, phường Q, TP Hòa Bình) ở - chỗ đất hiện nay bà N đang đòi bà M phải trả.

Năm 1980 ông H chết. Năm 1983 gia đình bà Nguyễn Thị N cho rằng đất ở không tốt, người trong gia đình hay ốm đau nên chuyển đến xóm 4, xã S (nay là tổ 04, phường Q) ở. Năm 1983, bà M đi lấy chồng tại xóm D, xã T, thị xã H (nay là phường T, thành phố H). Năm 1988, chồng bà M chết, bà M và con trai là Bùi Xuân P chuyển về diện tích đất đang tranh chấp sinh sống. Từ năm 1988 đến ngày 17/5/2001 thì được Nhà nước cấp bìa đỏ tên bà Nguyễn Thị M. Khi gia đình bà M chuyển về ở xóm 1, xã S (nay là tổ 1, phường Q) ở, gia đình bà N không có ý kiến gì. Từ đó đến nay, bà M đóng thuế cho Nhà nước đầy đủ.

Năm 2006, quốc lộ 6 mới mở ra đường đi Sơn La- Điện Biên, giá đất tăng lên gia đình bà N vào đòi đất của bà M, trong khi đó nhà bà M ở ổn định 17 năm, ngày 17/5/2001 bà M được UBND thị xã Hoà Bình cấp Giấy CNQSDĐ diện tích 662m². Tôi là em gái bà M, đứng giữa phân giải cho bà M và bà N: chia đôi phần đất nhà bà M đã được cấp sổ đỏ mỗi người 01 nửa nhưng gia đình bà N không đồng ý mà muốn đòi hết đất. Sau đó bà N làm đơn khởi kiện đến các cơ quan Ủy ban xã S và Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình. Tuy nhiên năm 2007 Tòa án thành phố Hòa Bình đã đình chỉ vụ án.

Bà M ở đất từ năm 1988 đến năm 2006 (17 năm) thì không ở nữa, lí do: Khi bà M mức đất để làm nhà (trước đây là nhà tranh vách đất, mái lợp ranh) thì bà N đến đòi đất, hai bên đòi chém đòi giết nhau (anh em gia đình bên đều chứng kiến). Từ đó bà M không ở đó nữa, mà đến ở nhà anh trai ruột là Nguyễn Văn Phụng ở tổ 01, phường Q và ở từ đó đến nay. Trên đất lúc này chỉ còn nền (đất) nhà sàn cũ của bà N, còn lại lều ở trồng dê, chuồng dê, chuồng gà, rau, 1 số cây cối: bưởi, xoài, chanh, cam của bà M.

Ngày 13/04/2023 gia đình tôi đã chuyển nhượng toàn bộ khu đất trên (bao gồm đất nhà tôi 2868,0m² và 662m² đất bà M) cho ông Hà Đăng H ở Chương Mỹ - Hà Nội lập Hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng Đinh Công Cùi, giá chuyển nhượng 300 triệu đồng. Bà M đã nhận đủ tiền, còn thủ tục, giấy tờ chuyển nhượng do ông H có trách N lo. Sau khi Toà án đi thẩm định, định giá xong thì ông H đã san ủi toàn bộ khu đất trên, hiện nay không có tài sản gì của bà N

Quan điểm của tôi không đồng ý trả lại đất cho bà N, vì thực tế bà N không sử dụng thửa đất trên, gia đình bà N khai hoang đất ở tổ 4 và đã được Nhà nước cấp đất ở tổ 4, phường Q.

Bà Nguyễn Thị T nộp cho Tòa án giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND thị xã Hoà Bình cấp ngày 17/5/2001 mang tên hộ bà Nguyễn Thị M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Đăng H trình bày:

Năm 2021 tôi đã mua thửa đất đang tranh chấp giữa bà N với bà M. Trước khi mua bán tôi đã kiểm tra thấy đất có bìa đỏ, đóng thuế đầy đủ hàng năm. Thời điểm đó tôi có cầm 02 bìa đỏ mang tên bà Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị T đến hỏi địa chính phường, các hộ liền kề xung quanh thì được biết năm 2006 có tranh chấp nhưng được Toà án giải quyết xong và khẳng định đất không có tranh chấp. Bà M sử dụng ổn định. Khi mua bán có lập hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng Đình Công Cùi, đã thanh toán đầy đủ tiền. Bên bán là bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị T, bên mua là tôi. Tôi mua cả 2 thửa đất (bao gồm đất nhà bà T là 2868,0m² và 662m² đất bà M) được lập Hợp đồng chuyển nhượng trong cùng 1 hợp đồng.

Khi thanh toán tiền xong gia đình bà T, bà M đã bàn giao lại toàn bộ tài sản cây cối hoa màu trên đất cho tôi và chuyển đi nơi khác sinh sống, Tôi không thấy bà M hay bà N ở đó, chỉ có cây cối hoa màu, chuồng gà, chuồng dê. Sau khi mua đất tôi đã cải tạo lại con đường, đang trồng ít cây cối trên diện tích đất nêu trên. Bà con xung quanh có đến kí giáp ranh, không có ý kiến gì về phần đất của tôi, hiện tôi đã làm rào xung quanh toàn bộ phần đất của tôi.

Quan điểm của tôi: bà N khởi kiện đòi đất thì phải có cơ sở, phải có chứng cứ, như sổ sách, giấy tờ, thuế đất, trích đo. Xem xét quá trình sử dụng đất của bà N. Tôi mua đất ngay thẳng đề nghị Toà án bảo vệ quyền lợi cho tôi theo quy định của pháp luật.

Ông Hà Đăng H cung cấp: 01 bộ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và bà Nguyễn Thị T, Giấy biên nhận tiền với bà Nguyễn Thị M.

Tại biên bản xác M ngày 10/05/2023, 09/11/2023 Ủy ban nhân dân phường Q cung cấp:

Tại sổ mục kê đất lưu giữ tại UBND xã S, thị xã Hoà Bình ngày 13/11/2001 (nay là Phường Q, thành phố Hoà Bình) trang 142, tờ bản đồ số 19, thửa đất số 345 tên chủ sử dụng đất Nguyễn Thị M diện tích 508,0m².

Tại sổ đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất xã S, thị xã Hoà Bình (nay là Phường Q, thành phố Hoà Bình) tờ bản đồ số 19, quyển số 01 năm 2001 do UBND phường Q hiện đang quản lý, hộ bà Nguyễn Thị M có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 02/8/2001, tổng diện tích 508,0m², tờ bản đồ số 19, thửa đất số 345, địa danh: xóm 1, diện tích 508,0m², loại đất thổ cư, mục đích sử dụng đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, nguồn gốc sử dụng: khai hoang.

Theo hồ sơ đo đạc theo chỉ thị số 18 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ đo đạc địa chính chính quy năm 2001 của UBND xã S (nay là phường Q) thành phố H, tỉnh Hoà Bình, thì thửa đất hiện bà N đang tranh chấp với bà M tại tổ 01, phường Q, thành phố H, được quy chủ cho bà Nguyễn Thị M, bà M là

người đi kê khai, viết đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với UBND xã S. Ngày 17/5/2001 được UBND thành phố Hoà Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị M diện tích 662m², trong đó 400m² đất ở 226m² đất vườn. Như vậy từ năm 2000 thửa đất này đã quy chủ cho bà Nguyễn Thị M.

Ngoài bà M kê khai và đăng ký quyền sử dụng thửa đất này với UBND xã S (nay là phường Q) thì không có cơ quan, tổ chức cá nhân nào khác kê khai, đăng ký với UBND xã, phường. Hiện tại thời điểm này trên địa bàn phường Q không có thửa đất nào kê khai đứng tên bà Nguyễn Thị N.

Tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình đã thu thập được: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị M do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hoà Bình cung cấp, gồm: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 01 tháng 10 năm 2000 của bà Nguyễn Thị M xin đăng ký quyền sử dụng diện tích đất 662m² tại xóm 1, xã S, thị xã Hoà Bình, nguồn gốc đất do cha ông để lại, có thể hiện sơ đồ thửa đất, các hộ tứ cận ký giáp ranh có ý kiến của trưởng thôn Nguyễn Văn L ngày 22/12/2000 và xác nhận của UBND xã S ngày 29/12/2000.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc: Thửa số tranh chấp diện tích 662m² (diện tích đo đạc thực tế: 508m²) tại địa chỉ xóm C, xã S, huyện K, tỉnh Hoà Bình (sau là xóm 1, xã S, thị xã Hoà Bình), nay là tổ 01, phường Q, thành phố H, tỉnh Hoà Bình do UBND thị xã Hoà Bình (nay là UBND thành phố Hoà Bình) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị M.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 05/05/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự kết luận: Giá trị diện tích 662m² (trong đó 400m² là đất thuộc đường phố 12, vị trí 1 có giá là 600.000đ/1m²; đất trồng cây lâu năm có giá là 60.000đ/1m²): $600.000đ \times 400m^2 + 60.000đ \times 262m^2 = 255.720.000đ$ (hai trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí cho việc trích đo, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá là: 10.000.000đ (Mười triệu đồng), bà N đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2023/DS - ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình Quyết định:

Căn cứ Khoản 2 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 326 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158, Điều 160, Điều 161, 221, 237 BLDS 2015; Điều 1,2,4,20,33, 38, 73 Luật đất đai 1993; Điều 64, Điều 99, Điều 101, Điều 102, Điều 203 Luật đất đai 2013.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc: Yêu cầu Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N đối với 662m² tại địa chỉ xóm C, xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình (sau là xóm 1, xã S, thị xã Hòa Bình), nay là tổ 01, phường Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Hòa Bình cấp ngày 17/5/2001 mang tên hộ bà Nguyễn Thị M; Buộc bà Nguyễn Thị M trả lại cho bà Nguyễn Thị N toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 36/2023/DS-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình với nội dung sau: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, khách quan và giải quyết vụ án không đúng với thực tế. Tòa án áp dụng sai quy định của pháp luật và bỏ qua tình tiết quan trọng tại phần xét hỏi dẫn đến việc ban hành bản án không khách quan, không phù hợp với quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Bà N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã gửi công văn đề nghị UBND thành phố Hòa Bình cho biết ý kiến về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M và quan điểm của UBND thành phố Hòa Bình về việc khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 28/6/2024, UBND thành phố có Công văn số 2310/UBND-TNMT đã khẳng định “ Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Bình (nay là UBND thành phố Hòa Bình) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị M là theo đúng quy định”. UBND thành phố gửi kèm công văn là sổ mục kê đất và các tài liệu liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M.

Ngày 11/7/2024, ông Nguyễn Văn T1 là con của cụ Nguyễn Văn Nh và cụ Nguyễn Thị D có bản tự khai xác nhận nguồn gốc đất đang tranh chấp là do ông L2 (bố đẻ bà M) đổi đất với cụ Nh, sau đó ông L2 cho ông H1 sử dụng, sau khi ông H1 chết (năm 1980) thì bà N sử dụng đến năm 1983 thì chuyển đi nơi khác ở. Sau đó mấy năm bà M đến ở và bà M được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung thêm nội dung kháng cáo, nếu không sửa án như kháng cáo đã nêu thì đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết, xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện UBND thành phố trình bày việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn P thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên cấp sơ thẩm đã xác định không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và áp dụng một số điều luật chưa chính xác. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, sửa một phần bản án sơ thẩm về việc áp dụng pháp luật. Bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Cấp sơ thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N trong thời gian luật định và hợp L nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn kháng cáo bổ sung thêm nội dung kháng cáo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo quy định.

Trong vụ án ngày cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp quyền sở hữu tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa chính xác, bởi lẽ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng cho bà và yêu cầu bị đơn trả lại đất, do vậy cần phải xác

định lại quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án này là tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, tuy nhiên cũng do xác định chưa đúng quan hệ pháp luật tranh chấp nên cấp sơ thẩm nhận định thẩm quyền theo lãnh thổ quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là không đúng, vì vụ án này các đương sự tranh chấp bất động sản nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nơi có bất động sản theo điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có người đại diện tham gia tố tụng hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N

Nguyên đơn Nguyễn Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nguồn gốc thửa đất và quá trình sử dụng thửa đất đang tranh chấp:

Nguyên đơn cho rằng thửa đất tranh chấp có diện tích 662m² tại địa chỉ xóm Chiu, xã S, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình (sau là xóm 1, xã S, thị xã Hòa Bình), nay là tổ 01, phường Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình là do ông Nguyễn Văn H1 (bố đẻ bà N) khai hoang và ở từ năm 1977 đến năm 1980 ông H1 chết, sau đó bà tiếp tục ở đến năm 1983 thì chuyển đi nơi khác ở, đến năm 1989 bà cho bà Nguyễn Thị M mượn đất để ở. Căn cứ mà bà N đưa ra là các Giấy xác nhận của những người làm chứng ông Nguyễn Văn L, Đinh Đức Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình Th, Nguyễn Thị H đều trú tại phường Q, thành phố Hoà Bình đều xác nhận thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn H1 khai hoang từ năm 1977.

Xét lời khai của những người làm chứng trên thấy rằng: Ông Nguyễn Văn L ngoài việc xác nhận nguồn gốc đất do ông H1 khai phá còn xác nhận ông là trưởng xóm 1, xã S (nay là tổ 1, phường Q) từ năm 1996 đến năm 2008 nhưng chưa bao giờ được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nào đến hỏi và xin các giấy tờ, chữ ký phục vụ việc cấp sổ đỏ cho bà M. Tuy nhiên hồ sơ cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hoà Bình cung cấp cho Tòa án thể hiện trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 01/10/2000 của bà M có xác nhận của ông Nguyễn Văn L về việc “*Nguồn gốc của bà Nguyễn Thị M là tự khai phá, chữ ký của bà M và các hộ lân cận không có tranh chấp là đúng. Đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét*” xác

nhận ngày 22/12/2000, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm ông L đã công nhận chữ ký và chữ viết trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất là của ông viết và xác nhận. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm ông L cũng thừa nhận có biết việc gia đình ông H1 sinh sống trên thửa đất đó, còn thửa đất đang tranh chấp do ai khai phá từ đâu thì ông không biết. Ông Nguyễn Văn T lúc đầu xác nhận đất do ông H1 khai hoang nhưng sau đó xác nhận chỉ biết gia đình nhà ông H1 có sử dụng đất từ trước năm 1980, còn đất do ai khai hoang thì ông không biết. Còn chị Nguyễn Thị H xác nhận nguồn gốc thửa đất là do ông H1 khai hoang từ năm 1977, nhưng thời điểm đó chị H còn chưa được sinh ra vì Nguyễn Thị H sinh ngày 16/5/2002. Như vậy, có thể khẳng định việc xác nhận nguồn gốc đất của nhưng người làm chứng mà nguyên đơn đưa ra có nhiều mâu thuẫn, không có căn cứ vững chắc, ngoài ra bà N cũng không có tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng M.

Còn bị đơn bà Nguyễn Thị M cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của bố mẹ bị đơn là ông Nguyễn Văn L2 đổi đất với gia đình cụ Nguyễn Văn Nh và cụ Nguyễn Thị D, sau đó, năm 1978, ông Nguyễn Văn H1 đi bộ đội về không có đất ở nên ông L2 đã để cho gia đình ông H1 ở, sau khi ông H1 chết, bà N chuyển đi năm 1983 thì đến năm 1988 bà M và con trai đến ở và làm nhà trên đất. Lời trình bày của bị đơn phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Văn T1 là con trai của cụ Nh và cụ D.

Về quá trình sử dụng đất: Năm 1980 ông H1 chết, bà N là người ở tại thửa đất trên cho đến năm 1983 thì chuyển đến ở tại xóm 4, xã S, thị xã Hòa Bình, (nay là tổ 04, phường Q, thành phố Hòa Bình) và không còn sử dụng gì thửa đất tranh chấp nữa. Từ năm 1988 đến năm 2006 bà M và con trai duy nhất là anh Bùi Xuân P là người sử dụng trực tiếp, làm nhà ở, trồng cây cối, hoa màu. Năm 2006 gia đình bà M chuyển đến tổ 1 phường Q ở cùng gia đình anh trai nhưng vẫn canh tác trên đất, nuôi gà, nuôi dê, trồng rau và đóng thuế đất đầy đủ cho Nhà nước, đến năm 2021 thì chuyển nhượng đất cho ông Hà Đăng H. Việc bà M sinh sống trên diện tích đất trên bà N biết nhưng không có ý kiến gì. Bà N trình bày là cho bà M mượn đất bằng miệng, không lập biên bản, không ai chứng kiến. Tuy nhiên lời khai của bà N còn mâu thuẫn với nhau vì tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2023 bà N khai: Trước khi chuyển đi có nhờ chồng bà T là ông Nguyễn Văn N trông coi hộ đất và thỏa thuận cho ông Ninh đất và 01 góc hóp trên đất, việc này không lập biên bản, không có ai chứng kiến. Sau đó bà N lại khai: Việc tôi cho bà M mượn đất bằng miệng, không lập văn bản giấy tờ, không có ai chứng kiến. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn N đã bác bỏ hoàn toàn lời khai của bà N.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M:

Quá trình ở sinh sống trên đất bà Nguyễn Thị M đã kê khai, có đơn đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp tại Ủy ban nhân dân xã S (nay là Phường Q) và được đứng tên trong sổ đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, sổ mục kê đất lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã S (nay là Phường Q), ngày 17/5/2001 hộ bà Nguyễn Thị M được UBND thị xã Hoà Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: “diện tích 662m² (400m² đất ở, 262m² đất vườn) tại xóm 1, xã S, thị xã Hoà Bình (nay là tổ 01, phường Q, thành phố H, tỉnh Hoà Bình)”.

Tại biên bản xác M ngày 10/5/2023, 09/11/2023 Ủy ban nhân dân phường Q cung cấp:

“Tại sổ mục kê đất lưu giữ tại UBND xã S, thị xã Hoà Bình ngày 13/11/2001 (nay là Phường Q, thành phố Hoà Bình) trang 142, tờ bản đồ số 19, thửa đất số 345 tên chủ sử dụng đất Nguyễn Thị M diện tích 508,0m².

Tại sổ đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất xã S, thị xã Hoà Bình (nay là Phường Q, thành phố Hoà Bình) tờ bản đồ số 19, quyển số 01 năm 2001 do UBND phường Q hiện đang quản lý, hộ bà Nguyễn Thị M có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 02/8/2001, tổng diện tích 508,0m², tờ bản đồ số 19, thửa đất số 345, địa danh: xóm 1, diện tích 508,0m², loại đất thổ cư, mục đích sử dụng đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, nguồn gốc sử dụng: khai hoang.

Theo hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị số 18 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ đo đạc địa chính chính quy năm 2001 của UBND xã S (nay là phường Q) thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình, thì thửa đất hiện bà N đang tranh chấp với bà M tại tổ 01, phường Q, thành phố Hoà Bình, được quy chủ cho bà Nguyễn Thị M, bà M là người đi kê khai, viết đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với UBND xã S. Ngày 17/5/2001 được UBND thành phố Hoà Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị M diện tích 662m², trong đó 400m² đất ở 226m² đất vườn. Như vậy từ năm 2000 thửa đất này đã quy chủ cho bà Nguyễn Thị M. Ngoài bà M kê khai và đăng ký quyền sử dụng thửa đất này với UBND xã S (nay là phường Q) thì không có cơ quan, tổ chức cá nhân nào khác kê khai, đăng ký với UBND xã, phường. Hiện tại thời điểm này trên địa bàn phường Q không có thửa đất nào kê khai đứng tên bà Nguyễn Thị N”

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hoà Bình đã cung cấp cho Tòa án hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị M, gồm: “Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 01 tháng 10 năm 2000 của bà Nguyễn Thị M xin đăng ký quyền sử dụng diện tích đất 662m² tại xóm 1, xã S, thị xã Hoà Bình, nguồn gốc đất do cha ông để lại năm 1986, có thể hiện sơ đồ thửa đất, các

hộ tứ cận ký giáp ranh có ý kiến của trưởng thôn Nguyễn Văn L ngày 22/12/2000 và xác nhận của UBND xã S ngày 29/12/2000”.

Tại Công văn số 2310/UBND-TNMT ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình đã khẳng định “ Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Bình (nay là UBND thành phố Hòa Bình) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị M là theo đúng quy định”.

Thực hiện Chỉ thị số 18 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về đo đạc chính quy, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã S, các tổ dân cư đã thông báo cho toàn thể bà con nhân dân trong xã biết nhưng bà N không đi kê khai, không đăng ký quyền sử dụng đất với UBND xã S thửa đất đang tranh chấp với bà M. Mặt khác, bà N không có các giấy tờ về quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ.

Việc bà N cho rằng năm 1989 bà có cho bà M mượn đất để ở nhưng bà M không thừa nhận và bà N cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng M. Hơn nữa tại khoản 2, Điều 2 Luật đất đai năm 1993 và khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 quy định “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác dùng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng L thời Cộng hòa miền nam Việt Nam và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị M được xác lập và được bảo vệ khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, đối với diện tích đất tranh chấp, từ năm 1983 bà N đã không sử dụng đất, không thực hiện các quyền của người sử dụng đất, không trực tiếp ở thời gian dài, không kê khai, không đứng tên trong sổ đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền, không có bất cứ tài liệu, giấy tờ gì về quyền sử dụng đất. Còn bà Nguyễn Thị M là người trực tiếp sử dụng đất ổn định, liên tục, không có tranh chấp từ năm 1989 cho đến khi Nhà nước có chủ trương cấp bìa đỏ cho các hộ dân thì bà M đã kê khai, đăng ký và được đứng tên trong sổ đơn đăng ký ruộng đất và sổ mục kê đất của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng trình tự, thủ tục. Việc bà M kê khai, đăng ký và việc Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Bình (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M là có căn cứ pháp luật, thực hiện đúng quy định của Luật đất đai năm 1993, bà M là người sử dụng đất hợp pháp.

Từ những căn cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc “*Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N đối với 662m² tại địa chỉ xóm C, xã S, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình (sau là xóm 1, xã S, thị xã Hòa Bình), nay là tổ 01, phường Q, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Hòa Bình cấp ngày 17/5/2001 mang tên hộ bà Nguyễn Thị M; Buộc bà Nguyễn Thị M trả lại cho bà Nguyễn Thị N toàn bộ diện tích đất nêu trên*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình được chứng cứ nào mới so với tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập nên không có căn cứ để chấp nhận sửa án sơ thẩm như kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

Đối với kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết, xét xử lại, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, quá trình giải quyết, xét xử tại cấp sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập làm rõ và được bổ sung tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không đưa ra các tài liệu, chứng cứ nào khác. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo này của nguyên đơn.

[3]. Trong vụ án này cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và áp dụng một số điều luật chưa chính xác, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại phần xác định quan hệ tranh chấp và điều luật áp dụng của bản án sơ thẩm cho chính xác.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N không được chấp nhận nên cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ. Chi phí tố tụng án sơ thẩm xác định là 10 triệu đồng, nguyên đơn đã nộp 10 triệu đồng (tiền tích đo, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá). Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không có ý kiến gì thêm về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và sửa một phần bản án sơ thẩm 36/2023/DS– ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Quan điểm của Viện Kiểm sát tỉnh Hòa Bình phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án dân sự sơ thẩm bị sửa nên bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

*Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban
Tòng vụ quốc hội;*

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

[2] Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2023/DS– ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Cụ thể:

Căn cứ Khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 174, khoản 2 Điều 176 và Điều 690 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 163, Điều 164 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 1, Điều 2, Điều 4, Điều 20, Điều 33, Điều 38, Điều 73, Điều 79 Luật đất đai năm 1993; Điều 26, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc: Yêu cầu Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N đối với 662m² tại địa chỉ xóm C, xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình (sau là xóm 1, xã S, thị xã H), nay là tổ 01, phường Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Hòa Bình cấp ngày 17/5/2001 mang tên hộ bà Nguyễn Thị M; Buộc bà Nguyễn Thị M trả lại cho bà Nguyễn Thị N toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000đ; bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004721 ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình, nay chuyển thành án phí.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại bà Nguyễn Thị N 300.000 đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000199 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND TP Hòa Bình, tỉnh HB;
- Chi cục THADS TP Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Trường